

Số: 386/QĐ-ĐHYHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận trúng tuyển CKI hệ tập trung khoá 22 (2017 -2019) năm 2017

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-BYT ngày 05 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành về Quy chế quản lý đào tạo chuyên khoa cấp I, sau đại học;

Căn cứ vào Biên bản họp ngày 13/9/2017 xét trúng tuyển chuyên khoa cấp I năm 2017;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp I hệ tập trung khoá 22 (2017 - 2019) cho 691 (sáu trăm chín mươi một) thí sinh thuộc 27 chuyên ngành năm 2017, có danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Các thí sinh trúng tuyển được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định hiện hành trong thời gian học tập.

**Điều 3.** Các Ông (bà) Trưởng phòng SDH, HCTH, TCKT, CNTT, TV, Ban KTX & ĐSSV và các thí sinh có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu: HCTH, SDH.

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Tạ Thành Văn**

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT | TTCN | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành       |
|----|------|-----------------------|------------|-------------|--------------------|
| 1  | 1    | Nguyễn Văn Bích       | 19/08/1974 | Hải Dương   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 2  | 2    | Trịnh Văn Bình        | 29/08/1985 | Vĩnh Phúc   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 3  | 3    | Phạm Trí Cường        | 08/02/1985 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 4  | 4    | Nguyễn Tiến Đạt       | 01/12/1990 | Lào Cai     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 5  | 5    | Nguyễn Hữu Đồng       | 13/11/1989 | Hung Yên    | Chẩn đoán hình ảnh |
| 6  | 6    | Hoàng Việt Dũng       | 26/05/1991 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 7  | 7    | Nguyễn Thế Giang      | 28/02/1990 | Hà Giang    | Chẩn đoán hình ảnh |
| 8  | 8    | Lưu Hồng Hạnh         | 17/09/1986 | Ninh Bình   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 9  | 9    | Nguyễn Thị Hạnh       | 28/02/1986 | Nghệ An     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 10 | 10   | Nguyễn Thị Hồng Hạnh  | 01/01/1982 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 11 | 11   | Bùi Đức Hiền          | 09/10/1983 | Hà Tĩnh     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 12 | 12   | Nguyễn Thị Minh Hoài  | 12/02/1990 | Bắc Kạn     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 13 | 13   | Vũ Tiến Hoàn          | 26/04/1989 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 14 | 14   | Vũ Thị Huê            | 01/02/1984 | Hải Dương   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 15 | 15   | Nguyễn Xuân Hùng      | 13/02/1971 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 16 | 16   | Bùi Đình Hưng         | 01/12/1982 | Phú Thọ     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 17 | 17   | Trần Thị Hương        | 15/06/1991 | Ninh Bình   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 18 | 18   | Phạm Văn Huy          | 07/07/1979 | Thanh Hóa   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 19 | 19   | Thân Minh Khánh       | 24/08/1990 | Bắc Giang   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 20 | 20   | Lê Mạnh Kiên          | 22/01/1988 | Sơn La      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 21 | 21   | Nguyễn Tùng Lâm       | 25/11/1989 | Thái Nguyên | Chẩn đoán hình ảnh |
| 22 | 22   | Bùi Thị Lân           | 25/11/1983 | Ninh Bình   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 23 | 23   | Trần Thị Lê           | 10/01/1988 | Thái Bình   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 24 | 24   | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 13/03/1985 | Thanh Hóa   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 25 | 25   | Hoàng Long            | 10/07/1991 | Thái Nguyên | Chẩn đoán hình ảnh |
| 26 | 26   | Nguyễn Thành Luân     | 17/03/1991 | Hải dương   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 27 | 27   | Hoàng Bình Minh       | 20/08/1989 | Hải Phòng   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 28 | 28   | Nguyễn Đình Mỹ        | 10/06/1989 | Bắc Ninh    | Chẩn đoán hình ảnh |
| 29 | 29   | Nguyễn Thị Tuyết Nga  | 20/10/1985 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 30 | 30   | Phạm Thị Hồng Oanh    | 24/05/1976 | Hà Nam      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 31 | 31   | Đặng Thị Bích Phương  | 30/01/1990 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 32 | 32   | Nguyễn Thị Lan Phương | 17/01/1987 | Ninh Bình   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 33 | 33   | Phạm Văn Sơn          | 25/02/1989 | Thanh Hóa   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 34 | 34   | Phạm Thị Huyền Thi    | 21/12/1983 | Thái Bình   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 35 | 35   | Lê Thị Hoài Thương    | 15/05/1987 | Nghệ An     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 36 | 36   | Chu Thị Thủy          | 15/05/1986 | Quảng ninh  | Chẩn đoán hình ảnh |
| 37 | 37   | Phan Thu Thủy         | 16/11/1987 | Lào Cai     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 38 | 38   | Trần Đình Tiến        | 26/03/1986 | Hà Tĩnh     | Chẩn đoán hình ảnh |
| 39 | 39   | Phạm Khắc Trường      | 13/04/1984 | Hải Dương   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 40 | 40   | Trần Trung Trường     | 26/08/1987 | Bắc Ninh    | Chẩn đoán hình ảnh |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành       |
|----|------|------------------------|------------|-------------|--------------------|
| 41 | 41   | Đào Anh Tuấn           | 23/09/1991 | Hà Nội      | Chẩn đoán hình ảnh |
| 42 | 42   | Đỗ Quang Vinh          | 28/01/1987 | Thái Bình   | Chẩn đoán hình ảnh |
| 43 | 43   | Bùi Văn Vương          | 11/12/1989 | Bắc Ninh    | Chẩn đoán hình ảnh |
| 44 | 44   | Hoàng Thế Xuân         | 05/10/1987 | Lạng Sơn    | Chẩn đoán hình ảnh |
| 45 | 1    | Đỗ Thị Kim Anh         | 28/02/1984 | Hà Nội      | Da liễu            |
| 46 | 2    | Lê Thanh Bình          | 28/10/1983 | Thanh Hóa   | Da liễu            |
| 47 | 3    | Hoàng Thị Diệp         | 04/05/1987 | Thanh Hóa   | Da liễu            |
| 48 | 4    | Cao Thị Dung           | 05/07/1987 | Thanh Hóa   | Da liễu            |
| 49 | 5    | Nguyễn Thị Thùy Dung   | 05/05/1989 | Thanh Hóa   | Da liễu            |
| 50 | 6    | Nguyễn Thị Việt Hà     | 30/10/1976 | Phú Thọ     | Da liễu            |
| 51 | 7    | Vũ Thị Hằng            | 08/07/1987 | Hà Nội      | Da liễu            |
| 52 | 8    | Bàn Nguyễn Thị Hằng    | 27/09/1990 | Hòa Bình    | Da liễu            |
| 53 | 9    | Nguyễn Minh Hòa        | 24/09/1984 | Hưng Yên    | Da liễu            |
| 54 | 10   | Nguyễn Thị Thu Huệ     | 01/09/1987 | Bắc Ninh    | Da liễu            |
| 55 | 11   | Lương Thị Giang Lam    | 06/02/1974 | Vĩnh Phúc   | Da liễu            |
| 56 | 12   | Đào Thị Lệ             | 25/08/1983 | Thái Bình   | Da liễu            |
| 57 | 13   | Phan Thị Thanh Nhân    | 25/04/1988 | Cao Bằng    | Da liễu            |
| 58 | 14   | Đỗ Thị Kim Oanh        | 27/07/1985 | Hải Dương   | Da liễu            |
| 59 | 15   | Đinh Thị Quyên         | 01/05/1986 | Hải Dương   | Da liễu            |
| 60 | 16   | Tô Thị Trường Thanh    | 23/04/1972 | Hà Nội      | Da liễu            |
| 61 | 17   | Lê Thị Kim Thanh       | 08/11/1975 | Hà Nội      | Da liễu            |
| 62 | 18   | Nguyễn Thị Phương Thảo | 25/11/1977 | Hà Nội      | Da liễu            |
| 63 | 19   | Nguyễn Thị Thủy        | 10/05/1981 | Hà Nội      | Da liễu            |
| 64 | 20   | Vũ Thanh Tùng          | 09/01/1974 | Nam Định    | Da liễu            |
| 65 | 21   | Nguyễn Thị Kim Tuyền   | 15/09/1979 | Lai Châu    | Da liễu            |
| 66 | 22   | Hà Thị Thanh Uyên      | 14/09/1986 | Lai Châu    | Da liễu            |
| 67 | 23   | Lê Đức Vân             | 10/05/1986 | Thanh Hóa   | Da liễu            |
| 68 | 24   | Nguyễn Thị Vân         | 15/07/1984 | Yên Bái     | Da liễu            |
| 69 | 1    | Phan Thị Hiếu          | 30/11/1987 | Hà Nội      | Dinh Dưỡng         |
| 70 | 2    | Trịnh Xuân Huy         | 01/06/1985 | Hà Nam      | Dinh Dưỡng         |
| 71 | 3    | Lê Thị Thủy            | 17/07/1989 | Tuyên Quang | Dinh Dưỡng         |
| 72 | 1    | Đặng Vũ Anh            | 30/01/1990 | Phú Thọ     | Gây mê hồi sức     |
| 73 | 2    | Phùng Văn Chinh        | 20/05/1986 | Bắc Giang   | Gây mê hồi sức     |
| 74 | 3    | Nguyễn Quang Chính     | 09/03/1986 | Nghệ An     | Gây mê hồi sức     |
| 75 | 4    | Nguyễn Cao Cường       | 01/04/1985 | Ninh Bình   | Gây mê hồi sức     |
| 76 | 5    | Đoàn Duy Cường         | 13/09/1989 | Thái Bình   | Gây mê hồi sức     |
| 77 | 6    | Nguyễn Đức Cường       | 21/03/1982 | Nghệ An     | Gây mê hồi sức     |
| 78 | 7    | Nguyễn Đình Đặng       | 09/04/1988 | Quảng Ninh  | Gây mê hồi sức     |
| 79 | 8    | Phạm Trung Đức         | 28/06/1988 | Thái Nguyên | Gây mê hồi sức     |
| 80 | 9    | Nguyễn Minh Duyên      | 13/03/1984 | Hà Nội      | Gây mê hồi sức     |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20/9/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành   |
|-----|------|------------------------|------------|-------------|----------------|
| 81  | 10   | Tạ Thị Hà              | 06/04/1986 | Ninh Bình   | Gây mê hồi sức |
| 82  | 11   | Lê Trọng Hải           | 13/08/1983 | Thanh Hóa   | Gây mê hồi sức |
| 83  | 12   | Nguyễn Thu Hằng        | 14/07/1986 | Hà Nội      | Gây mê hồi sức |
| 84  | 13   | Nguyễn Thị Hiền        | 30/03/1988 | Hưng Yên    | Gây mê hồi sức |
| 85  | 14   | Nguyễn Thị Diệu Hoa    | 07/05/1990 | Sơn la      | Gây mê hồi sức |
| 86  | 15   | Nguyễn Minh Hồng       | 10/01/1987 | Hải Phòng   | Gây mê hồi sức |
| 87  | 16   | Nguyễn Đỗ Hùng         | 22/11/1979 | Quảng Ninh  | Gây mê hồi sức |
| 88  | 17   | Tô Thị Lan Hương       | 23/09/1988 | Bắc Giang   | Gây mê hồi sức |
| 89  | 18   | Phan Chính Hưởng       | 31/10/1987 | Hưng Yên    | Gây mê hồi sức |
| 90  | 19   | Vũ Thị Khánh           | 23/06/1989 | Bắc Giang   | Gây mê hồi sức |
| 91  | 20   | Phạm Văn Khôi          | 23/06/1987 | Bắc Giang   | Gây mê hồi sức |
| 92  | 21   | Hà Thị Lan             | 22/09/1985 | Thái Bình   | Gây mê hồi sức |
| 93  | 22   | Nguyễn Thị Thanh Loan  | 11/02/1984 | Quảng Ninh  | Gây mê hồi sức |
| 94  | 23   | Nguyễn Vũ Long         | 18/05/1988 | Quảng Ninh  | Gây mê hồi sức |
| 95  | 24   | Nguyễn Đức Mạnh        | 24/11/1988 | Quảng Ninh  | Gây mê hồi sức |
| 96  | 25   | Vũ Thị Phụng           | 08/06/1986 | Hưng Yên    | Gây mê hồi sức |
| 97  | 26   | Võ Văn Sơn             | 27/08/1985 | Thanh Hóa   | Gây mê hồi sức |
| 98  | 27   | Hà Thị Tân             | 07/06/1986 | Hòa Bình    | Gây mê hồi sức |
| 99  | 28   | Nguyễn Công Thành      | 09/10/1988 | Thái Nguyên | Gây mê hồi sức |
| 100 | 29   | Lò Công Thành          | 06/04/1989 | Sơn La      | Gây mê hồi sức |
| 101 | 30   | Bùi Duy Thành          | 15/02/1987 | Nam Định    | Gây mê hồi sức |
| 102 | 31   | Nguyễn Đình Thảo       | 23/02/1977 | Thái Nguyên | Gây mê hồi sức |
| 103 | 32   | Nông Kim Thoa          | 01/10/1989 | Bắc Kạn     | Gây mê hồi sức |
| 104 | 33   | Trần Thị Thu Thúy      | 23/10/1988 | Thái Nguyên | Gây mê hồi sức |
| 105 | 34   | Nguyễn Thị Tiên        | 22/02/1980 | Quảng Ninh  | Gây mê hồi sức |
| 106 | 35   | Nguyễn Hoàng Thu Trang | 13/06/1991 | Hà Nội      | Gây mê hồi sức |
| 107 | 36   | Đinh Mạnh Tú           | 19/08/1981 | Hà Nội      | Gây mê hồi sức |
| 108 | 37   | Đào Xuân Tùng          | 21/02/1988 | Hà Nội      | Gây mê hồi sức |
| 109 | 38   | Lê Thị Việt            | 01/10/1989 | Hải Dương   | Gây mê hồi sức |
| 110 | 39   | Phạm Quang Vũ          | 02/10/1985 | Lai Châu    | Gây mê hồi sức |
| 111 | 1    | Nguyễn Thị Mai Anh     | 19/08/1989 | Ninh Bình   | Giải phẫu bệnh |
| 112 | 2    | Phạm Thị Đơn           | 30/06/1986 | Thái Bình   | Giải phẫu bệnh |
| 113 | 3    | Sầm Thu Hương          | 21/03/1989 | Hà Giang    | Giải phẫu bệnh |
| 114 | 4    | Hà Thị Huyền           | 16/03/1982 | Thái Bình   | Giải phẫu bệnh |
| 115 | 5    | Chu Hữu Khánh          | 12/01/1986 | Hải Dương   | Giải phẫu bệnh |
| 116 | 6    | Hoàng Bích Lương       | 11/10/1992 | Yên Bái     | Giải phẫu bệnh |
| 117 | 7    | Nguyễn Văn Lượng       | 06/12/1984 | Hà Nội      | Giải phẫu bệnh |
| 118 | 8    | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 16/08/1986 | Bắc Giang   | Giải phẫu bệnh |
| 119 | 9    | Nguyễn Xuân Quảng      | 01/01/1983 | Hải Dương   | Giải phẫu bệnh |
| 120 | 10   | Nguyễn Thị Thanh Thúy  | 12/03/1987 | Thanh Hóa   | Giải phẫu bệnh |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867 /QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành         |
|-----|------|------------------------|------------|-------------|----------------------|
| 121 | 11   | Nguyễn Đức Toàn        | 21/04/1978 | Hà Nội      | Giải phẫu bệnh       |
| 122 | 1    | Nguyễn Thị Thu Hằng    | 20/08/1987 | Bắc Giang   | Huyết học truyền máu |
| 123 | 2    | Bùi Thị Khuy           | 09/09/1988 | Bắc Giang   | Huyết học truyền máu |
| 124 | 3    | Chu Thị Nga            | 06/04/1989 | Thái Nguyên | Huyết học truyền máu |
| 125 | 4    | Nguyễn Thị Hồng Thư    | 04/06/1981 | Hà Nội      | Huyết học truyền máu |
| 126 | 5    | Vũ Thị Thúy            | 05/11/1982 | Thái Bình   | Huyết học truyền máu |
| 127 | 6    | Phạm Thị Thủy          | 19/07/1989 | Quảng Ninh  | Huyết học truyền máu |
| 128 | 7    | Nguyễn Thị Huyền Trang | 26/02/1989 | Hà Giang    | Huyết học truyền máu |
| 129 | 1    | Lê Thị Hà              | 28/10/1985 | Lai Châu    | Hóa sinh             |
| 130 | 2    | Nguyễn Thị Ngọc        | 07/07/1988 | Bắc Giang   | Hóa sinh             |
| 131 | 3    | Trần Thị Nhung         | 25/02/1983 | Quảng Ninh  | Hóa sinh             |
| 132 | 4    | Nguyễn Thị Vân Thương  | 04/06/1984 | Yên Bái     | Hóa sinh             |
| 133 | 5    | Nguyễn Thị Tuyết       | 15/06/1985 | Bắc Giang   | Hóa sinh             |
| 134 | 1    | Trần Việt Anh          | 25/10/1988 | Hải Dương   | Hồi sức cấp cứu      |
| 135 | 2    | Đinh Quốc Anh          | 23/08/1991 | Thái Nguyên | Hồi sức cấp cứu      |
| 136 | 3    | Phạm Thị Ánh           | 13/03/1989 | Vĩnh Phúc   | Hồi sức cấp cứu      |
| 137 | 4    | Nguyễn Tiến Bình       | 04/09/1986 | Hà Nội      | Hồi sức cấp cứu      |
| 138 | 5    | Hồ Sỹ Bình             | 03/03/1986 | Hải Dương   | Hồi sức cấp cứu      |
| 139 | 6    | Đào Trọng Đức          | 04/02/1980 | Đà Nẵng     | Hồi sức cấp cứu      |
| 140 | 7    | Hoàng Duy Dương        | 16/07/1988 | Hà Giang    | Hồi sức cấp cứu      |
| 141 | 8    | Đào Phú Hà             | 08/10/1984 | Hải Phòng   | Hồi sức cấp cứu      |
| 142 | 9    | Nguyễn Kim Hiệp        | 10/06/1985 | Vĩnh Phúc   | Hồi sức cấp cứu      |
| 143 | 10   | Nguyễn Duy Hiếu        | 12/04/1990 | Vĩnh Phúc   | Hồi sức cấp cứu      |
| 144 | 11   | Trần Đức Hiếu          | 18/08/1987 | Lai Châu    | Hồi sức cấp cứu      |
| 145 | 12   | Lê Thị Phương Hoa      | 03/08/1989 | Quảng Ninh  | Hồi sức cấp cứu      |
| 146 | 13   | Bùi Mạnh Hùng          | 28/10/1989 | Hà Giang    | Hồi sức cấp cứu      |
| 147 | 14   | Nguyễn Hữu Khánh       | 20/03/1987 | Thanh Hóa   | Hồi sức cấp cứu      |
| 148 | 15   | Nguyễn Vĩnh Lâm        | 09/01/1986 | Thái Bình   | Hồi sức cấp cứu      |
| 149 | 16   | Hoàng Thanh Lê         | 26/11/1988 | Hòa Bình    | Hồi sức cấp cứu      |
| 150 | 17   | Đào Ngọc Linh          | 11/11/1990 | Hà Nội      | Hồi sức cấp cứu      |
| 151 | 18   | Nguyễn Mạnh Linh       | 20/05/1988 | Hà Nội      | Hồi sức cấp cứu      |
| 152 | 19   | Nguyễn Văn Luân        | 02/02/1987 | Thanh Hóa   | Hồi sức cấp cứu      |
| 153 | 20   | Vũ Văn Lý              | 20/03/1987 | Hải Dương   | Hồi sức cấp cứu      |
| 154 | 21   | Nguyễn Anh Minh        | 24/01/1989 | Phú Thọ     | Hồi sức cấp cứu      |
| 155 | 22   | Nguyễn Sơn Nam         | 22/10/1990 | Bắc Giang   | Hồi sức cấp cứu      |
| 156 | 23   | Nguyễn Hải Nam         | 02/09/1980 | Nghệ An     | Hồi sức cấp cứu      |
| 157 | 24   | Trần Thị Kim Ngân      | 18/10/1988 | Thanh Hóa   | Hồi sức cấp cứu      |
| 158 | 25   | Nguyễn Xuân Quỳnh      | 27/10/1986 | Hưng Yên    | Hồi sức cấp cứu      |
| 159 | 26   | Nguyễn Việt Thắng      | 31/08/1987 | Hà Nội      | Hồi sức cấp cứu      |
| 160 | 27   | Nguyễn Tiến Thắng      | 20/12/1988 | Quảng Ninh  | Hồi sức cấp cứu      |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20/9/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Chuyên ngành         |
|-----|------|-----------------------|------------|------------|----------------------|
| 161 | 28   | Ngô Thị Thảo          | 3/12/1991  | Hải Phòng  | Hồi sức cấp cứu      |
| 162 | 29   | Ngô Văn Thiết         | 19/08/1989 | Nghệ An    | Hồi sức cấp cứu      |
| 163 | 30   | Sin Văn Thương        | 15/10/1986 | Hà Giang   | Hồi sức cấp cứu      |
| 164 | 31   | Đinh Xuân Thủy        | 10/03/1984 | Yên Bái    | Hồi sức cấp cứu      |
| 165 | 32   | Nguyễn Mạnh Tiến      | 23/05/1988 | Hà Nam     | Hồi sức cấp cứu      |
| 166 | 33   | Lê Vinh Tiến          | 13/07/1987 | Hà Nội     | Hồi sức cấp cứu      |
| 167 | 34   | Trần Hữu Trang        | 05/04/1989 | Yên Bái    | Hồi sức cấp cứu      |
| 168 | 35   | Vũ Đình Trọng         | 08/07/1986 | Nam Định   | Hồi sức cấp cứu      |
| 169 | 36   | Huỳnh Tấn Trung       | 22/02/1987 | Quảng Ninh | Hồi sức cấp cứu      |
| 170 | 37   | Lê Tuấn               | 12/12/1983 | Thanh Hóa  | Hồi sức cấp cứu      |
| 171 | 38   | Phùng Quang Tùng      | 31/01/1990 | Hưng Yên   | Hồi sức cấp cứu      |
| 172 | 39   | Hà Quang Tuyên        | 21/12/1989 | Yên Bái    | Hồi sức cấp cứu      |
| 173 | 40   | Phạm Thị Ninh Vân     | 18/01/1989 | Ninh Bình  | Hồi sức cấp cứu      |
| 174 | 41   | Đinh Thị Hải Yến      | 16/08/1986 | Hà Nam     | Hồi sức cấp cứu      |
| 175 | 1    | Nguyễn Thị Chín       | 01/09/1985 | Quảng Ninh | KTYH chuyên ngành XN |
| 176 | 2    | Tạ Xuân Dũng          | 15/10/1986 | Hải Phòng  | KTYH chuyên ngành XN |
| 177 | 3    | Phạm Thị Hương Giang  | 01/03/1993 | Ninh Bình  | KTYH chuyên ngành XN |
| 178 | 4    | Trần Duy Hải          | 19/10/1986 | Hòa Bình   | KTYH chuyên ngành XN |
| 179 | 5    | Vương Quốc Hải        | 22/04/1971 | Quảng Ninh | KTYH chuyên ngành XN |
| 180 | 6    | Hà Xuân Hợp           | 21/12/1976 | Hải Dương  | KTYH chuyên ngành XN |
| 181 | 7    | Vũ Mạnh Hùng          | 24/12/1983 | Thái Bình  | KTYH chuyên ngành XN |
| 182 | 8    | Nguyễn Thị Thúy Hường | 03/10/1988 | Vĩnh Phúc  | KTYH chuyên ngành XN |
| 183 | 9    | Phí Thương Huyền      | 06/12/1984 | Yên Bái    | KTYH chuyên ngành XN |
| 184 | 10   | Trần Minh Khoa        | 19/07/1977 | Hải Dương  | KTYH chuyên ngành XN |
| 185 | 11   | Đặng Thành Long       | 26/09/1988 | Nghệ An    | KTYH chuyên ngành XN |
| 186 | 12   | Nguyễn Xuân Mạnh      | 22/02/1984 | Hải Dương  | KTYH chuyên ngành XN |
| 187 | 13   | Nguyễn Thị Như Quỳnh  | 16/01/1986 | Hà Nội     | KTYH chuyên ngành XN |
| 188 | 14   | Vũ Thị Hoài Thu       | 28/05/1990 | Hà Nội     | KTYH chuyên ngành XN |
| 189 | 15   | Hoàng Thị Thuần       | 16/11/1988 | Hà Nội     | KTYH chuyên ngành XN |
| 190 | 16   | Huỳnh Ngọc Trang      | 13/04/1989 | Hà Nam     | KTYH chuyên ngành XN |
| 191 | 17   | Lê Huyền Trang        | 24/07/1983 | Hà Nội     | KTYH chuyên ngành XN |
| 192 | 18   | Nguyễn Hữu Trí        | 20/12/1982 | Hà Nội     | KTYH chuyên ngành XN |
| 193 | 19   | Nguyễn Đăng Tùng      | 16/02/1983 | Thanh Hóa  | KTYH chuyên ngành XN |
| 194 | 1    | Dương Danh Bộ         | 05/01/1982 | Bắc Ninh   | Lao                  |
| 195 | 2    | Bùi Hải Hà            | 15/07/1991 | Hải Phòng  | Lao                  |
| 196 | 3    | Trần Đình Hùng        | 19/05/1974 | Thanh Hóa  | Lao                  |
| 197 | 4    | Kim Thúy Oanh         | 15/02/1982 | Vĩnh Phúc  | Lao                  |
| 198 | 5    | Mai Thu Trang         | 18/04/1988 | Nam Định   | Lao                  |
| 199 | 6    | Nguyễn Hữu Trí        | 10/07/1970 | Thái Bình  | Lao                  |
| 200 | 1    | Nguyễn Văn Bình       | 16/11/1987 | Lạng Sơn   | Ngoại khoa           |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên         | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|-------------------|------------|-------------|--------------|
| 201 | 2    | Lại Văn Chính     | 06/08/1986 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 202 | 3    | Cao Thanh Chung   | 15/08/1985 | Nghệ An     | Ngoại khoa   |
| 203 | 4    | Đoàn Văn Cừ       | 21/02/1989 | Bắc Giang   | Ngoại khoa   |
| 204 | 5    | Lương Văn Cừ      | 01/07/1984 | Tuyên Quang | Ngoại khoa   |
| 205 | 6    | Đặng Thị Đào      | 23/10/1985 | Nam Định    | Ngoại khoa   |
| 206 | 7    | Ma Đình Đức       | 17/03/1987 | Tuyên Quang | Ngoại khoa   |
| 207 | 8    | Quản Trọng Đức    | 20/02/1990 | Đồng Nai    | Ngoại khoa   |
| 208 | 9    | Trương Minh Đức   | 17/10/1987 | Quang Ninh  | Ngoại khoa   |
| 209 | 10   | Bùi Văn Dũng      | 31/08/1988 | Hải Dương   | Ngoại khoa   |
| 210 | 11   | Nguyễn Tiến Dũng  | 08/02/1989 | Bắc Ninh    | Ngoại khoa   |
| 211 | 12   | Phạm Việt Dương   | 10/04/1981 | Hà Nam      | Ngoại khoa   |
| 212 | 13   | Nguyễn Văn Dương  | 19/05/1986 | Hà Nội      | Ngoại khoa   |
| 213 | 14   | Trần Mạnh Hà      | 11/08/1987 | Lạng Sơn    | Ngoại khoa   |
| 214 | 15   | Nguyễn Văn Hạnh   | 29/09/1987 | Hà Nội      | Ngoại khoa   |
| 215 | 16   | Hoàng Văn Hiến    | 11/08/1989 | Thái Nguyên | Ngoại khoa   |
| 216 | 17   | Bùi Trung Hiếu    | 01/10/1988 | Quảng Ninh  | Ngoại khoa   |
| 217 | 18   | Nguyễn Văn Hiếu   | 12/07/1989 | Bắc Giang   | Ngoại khoa   |
| 218 | 19   | Trịnh Minh Hòa    | 23/03/1985 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 219 | 20   | Đinh Quang Hòa    | 29/11/1974 | Hòa Bình    | Ngoại khoa   |
| 220 | 21   | Trần Long Hoàng   | 06/12/1988 | Yên Bái     | Ngoại khoa   |
| 221 | 22   | Thiều Hữu Huân    | 26/09/1988 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 222 | 23   | Hoàng Văn Huân    | 21/09/1983 | Yên Bái     | Ngoại khoa   |
| 223 | 24   | Khổng Mạnh Hùng   | 11/08/1976 | Lạng Sơn    | Ngoại khoa   |
| 224 | 25   | Nguyễn Thành Hưng | 01/05/1985 | Bắc Ninh    | Ngoại khoa   |
| 225 | 26   | Lê Văn Hưng       | 20/08/1984 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 226 | 27   | Nguyễn Văn Lâm    | 01/01/1981 | Bắc Giang   | Ngoại khoa   |
| 227 | 28   | Hà Ngọc Linh      | 03/02/1986 | Vĩnh Phúc   | Ngoại khoa   |
| 228 | 29   | Vũ Thành Long     | 25/11/1991 | Hải Phòng   | Ngoại khoa   |
| 229 | 30   | Vũ Tuấn Minh      | 08/06/1987 | Lạng Sơn    | Ngoại khoa   |
| 230 | 31   | Hoàng Hồng Nghĩa  | 12/09/1982 | Thái Nguyên | Ngoại khoa   |
| 231 | 32   | Nguyễn Thanh Nhã  | 02/07/1989 | Hà Giang    | Ngoại khoa   |
| 232 | 33   | Hà Văn Quang      | 15/08/1987 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 233 | 34   | Đào Văn Quang     | 09/04/1984 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 234 | 35   | Lê Hữu Quang      | 10/03/1990 | Hà Nội      | Ngoại khoa   |
| 235 | 36   | Phạm Bá Quỳnh     | 21/11/1981 | Lai Châu    | Ngoại khoa   |
| 236 | 37   | Trương Văn Sứ     | 22/07/1985 | Nghệ An     | Ngoại khoa   |
| 237 | 38   | Nguyễn Đình Tài   | 20/07/1987 | Hà Tĩnh     | Ngoại khoa   |
| 238 | 39   | Nguyễn Quốc Thành | 02/10/1991 | Hải Phòng   | Ngoại khoa   |
| 239 | 40   | Quách Văn Thiện   | 05/03/1987 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 240 | 41   | Phan Minh Thịnh   | 31/03/1987 | Nam Định    | Ngoại khoa   |

A

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|------------------------|------------|-------------|--------------|
| 241 | 42   | Mai Văn Thuật          | 24/04/1989 | Hà Giang    | Ngoại khoa   |
| 242 | 43   | Nguyễn Văn Thực        | 25/09/1977 | Nghệ An     | Ngoại khoa   |
| 243 | 44   | Hà Thị Thùy            | 11/09/1991 | Thanh Hóa   | Ngoại khoa   |
| 244 | 45   | Nguyễn Như Tiến        | 23/12/1989 | Hà Giang    | Ngoại khoa   |
| 245 | 46   | Cao Việt Tiệp          | 10/07/1989 | Bắc Kạn     | Ngoại khoa   |
| 246 | 47   | Trần Ngọc Tình         | 20/06/1986 | Ninh Bình   | Ngoại khoa   |
| 247 | 48   | Nguyễn Thị Trang       | 20/10/1988 | Hà Nội      | Ngoại khoa   |
| 248 | 49   | Hoàng Gia Triệu        | 27/07/1984 | Hà Nội      | Ngoại khoa   |
| 249 | 50   | La Bá Trình            | 10/02/1989 | Bắc Kạn     | Ngoại khoa   |
| 250 | 51   | Lê Văn Trọng           | 25/10/1989 | Nam Định    | Ngoại khoa   |
| 251 | 52   | Nguyễn Lâm Tuấn        | 19/01/1988 | Hòa Bình    | Ngoại khoa   |
| 252 | 53   | Lê Văn Tùng            | 02/10/1989 | Hưng yên    | Ngoại khoa   |
| 253 | 54   | Vũ Đăng Tuyển          | 23/11/1985 | Bắc Ninh    | Ngoại khoa   |
| 254 | 55   | Tăng Bá Mạnh Vũ        | 07/12/1990 | Hải Dương   | Ngoại khoa   |
| 255 | 1    | Lê Thế Anh             | 13/03/1987 | Thanh Hóa   | Nhãn khoa    |
| 256 | 2    | Nguyễn Lương Ngọc Anh  | 24/07/1988 | Hà Nội      | Nhãn khoa    |
| 257 | 3    | Nguyễn Thị Ánh         | 08/05/1979 | Nghệ An     | Nhãn khoa    |
| 258 | 4    | Lê Thanh Bình          | 22/12/1982 | Thanh Hóa   | Nhãn khoa    |
| 259 | 5    | Hoàng Trường Giang     | 09/06/1986 | Thái Bình   | Nhãn khoa    |
| 260 | 6    | Đoàn Đức Giáp          | 28/12/1984 | Bắc Giang   | Nhãn khoa    |
| 261 | 7    | Bùi Thị Ngọc Hà        | 15/04/1986 | Thái Nguyên | Nhãn khoa    |
| 262 | 8    | Nguyễn Thị Thu Hà      | 02/12/1984 | Lai Châu    | Nhãn khoa    |
| 263 | 9    | Nguyễn Thị Hân         | 10/01/1972 | Bắc Ninh    | Nhãn khoa    |
| 264 | 10   | Nguyễn Thị Hằng        | 15/08/1986 | Bắc Ninh    | Nhãn khoa    |
| 265 | 11   | Đoàn Thu Hiền          | 13/02/1979 | Ninh Bình   | Nhãn khoa    |
| 266 | 12   | Phạm Thị Hiền          | 12/02/1987 | Thanh Hóa   | Nhãn khoa    |
| 267 | 13   | Nguyễn Thị Hiền        | 09/08/1985 | Hà Nội      | Nhãn khoa    |
| 268 | 14   | Đinh Thị Hoa           | 25/06/1972 | Thanh Hóa   | Nhãn khoa    |
| 269 | 15   | Nguyễn Thị Thu Hoài    | 13/01/1979 | Hà Nội      | Nhãn khoa    |
| 270 | 16   | Nguyễn Minh Hoàng      | 23/12/1990 | Thái Bình   | Nhãn khoa    |
| 271 | 17   | Nguyễn Thị Hồng        | 01/09/1981 | Phú Thọ     | Nhãn khoa    |
| 272 | 18   | Nguyễn Bá Kiên         | 04/06/1981 | Nghệ An     | Nhãn khoa    |
| 273 | 19   | Đàm Đức Long           | 23/07/1986 | Bắc Giang   | Nhãn khoa    |
| 274 | 20   | Nguyễn Thị Luyến       | 05/08/1979 | Quảng Ninh  | Nhãn khoa    |
| 275 | 21   | Nguyễn Minh Ngọc       | 05/12/1986 | Lào Cai     | Nhãn khoa    |
| 276 | 22   | Nguyễn Tiến Quân       | 12/05/1980 | Phú Thọ     | Nhãn khoa    |
| 277 | 23   | Lê Thị Thanh Tâm       | 13/08/1987 | Sơn La      | Nhãn khoa    |
| 278 | 24   | Bạc Văn Thân           | 29/10/1988 | Sơn La      | Nhãn khoa    |
| 279 | 25   | Trần Thị Hải Thanh     | 12/09/1986 | Hải Dương   | Nhãn khoa    |
| 280 | 26   | Nguyễn Thị phương Thảo | 19/12/1989 | Phú Thọ     | Nhãn khoa    |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOA 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|----------------------|------------|-------------|--------------|
| 281 | 27   | Vũ Quang Thiện       | 01/06/1990 | Phú Thọ     | Nhãn khoa    |
| 282 | 28   | Phan Hữu Thịnh       | 16/05/1988 | Hà Nam      | Nhãn khoa    |
| 283 | 29   | Ngô Thị Tươi         | 21/10/1989 | Hà Nội      | Nhãn khoa    |
| 284 | 30   | Thần Thị Vượng       | 10/05/1986 | Lào Cai     | Nhãn khoa    |
| 285 | 1    | Đình Hoàng Anh       | 03/08/1987 | Thanh Hóa   | Nhi khoa     |
| 286 | 2    | Vũ Thị Bào           | 25/09/1983 | Nam Định    | Nhi khoa     |
| 287 | 3    | Trần Thị Hoàng Bình  | 03/01/1989 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 288 | 4    | Lê Văn Bình          | 26/08/1985 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 289 | 5    | Nguyễn Văn Cường     | 10/07/1990 | Thái Nguyên | Nhi khoa     |
| 290 | 6    | Nguyễn Khắc Cường    | 20/03/1986 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 291 | 7    | Hoàng An Dương       | 10/11/1991 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 292 | 8    | Đào Giao Tuyên Dương | 28/07/1987 | Hải Dương   | Nhi khoa     |
| 293 | 9    | Vũ Viết Dương        | 14/12/1989 | Yên Bái     | Nhi khoa     |
| 294 | 10   | Đặng Hồng Duyên      | 18/08/1986 | Quảng Ninh  | Nhi khoa     |
| 295 | 11   | Quan Thị Giang       | 27/04/1981 | Tuyên Quang | Nhi khoa     |
| 296 | 12   | Đặng Thị Hà          | 16/03/1989 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 297 | 13   | Phạm Thanh Hà        | 14/08/1986 | Hà Giang    | Nhi khoa     |
| 298 | 14   | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 19/08/1990 | Quảng Bình  | Nhi khoa     |
| 299 | 15   | Võ Hiền              | 20/06/1988 | Hà Tĩnh     | Nhi khoa     |
| 300 | 16   | Lâm Quốc Hiệu        | 02/05/1986 | Nam Định    | Nhi khoa     |
| 301 | 17   | Nguyễn Thị Ngọc Hoa  | 06/05/1987 | Lào Cai     | Nhi khoa     |
| 302 | 18   | Trần Đức Hoàng       | 01/12/1984 | Bắc Ninh    | Nhi khoa     |
| 303 | 19   | Lê Huy Hồng          | 05/08/1985 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 304 | 20   | Hoàng Văn Huân       | 07/02/1988 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 305 | 21   | Ngô Thanh Huế        | 26/05/1987 | Sơn La      | Nhi khoa     |
| 306 | 22   | Vũ Đình Hưng         | 18/01/1989 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 307 | 23   | Đình Thị Hương       | 20/10/1986 | Thanh Hóa   | Nhi khoa     |
| 308 | 24   | Hà Văn Hường         | 16/09/1990 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 309 | 25   | Nguyễn Thanh Hường   | 25/01/1988 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 310 | 26   | Hoàng Thu Huyền      | 20/11/1989 | Phú Thọ     | Nhi khoa     |
| 311 | 27   | Nguyễn Thị Huyền     | 11/08/1988 | Phú Thọ     | Nhi khoa     |
| 312 | 28   | Ngô Thị Ngọc Lan     | 12/12/1988 | Bắc Ninh    | Nhi khoa     |
| 313 | 29   | Hoàng Thị Ngọc Lê    | 04/11/1989 | Bắc Giang   | Nhi khoa     |
| 314 | 30   | Bùi Thị Liễu         | 14/12/1984 | Hải Dương   | Nhi khoa     |
| 315 | 31   | Vũ Thị Loan          | 18/11/1986 | Hưng Yên    | Nhi khoa     |
| 316 | 32   | Lê Thị Nga           | 17/11/1987 | Hưng yên    | Nhi khoa     |
| 317 | 33   | Vũ Thị Kim Ngọc      | 12/12/1988 | Ninh Bình   | Nhi khoa     |
| 318 | 34   | Nguyễn Thị Ngọc      | 07/06/1988 | Ninh Bình   | Nhi khoa     |
| 319 | 35   | Phạm Thị Mỹ Ngọc     | 11/11/1986 | Ninh Bình   | Nhi khoa     |
| 320 | 36   | Thái Gia Nguyên      | 20/10/1989 | Nghệ An     | Nhi khoa     |

*(Chữ ký)*

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867 /QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|-----------------------|------------|-------------|--------------|
| 321 | 37   | Cao Hương Nhung       | 20/02/1989 | Phú Thọ     | Nhi khoa     |
| 322 | 38   | Bạch Văn Phần         | 10/11/1989 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 323 | 39   | Lê Phong Phú          | 02/07/1990 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 324 | 40   | Nguyễn Xuân Quang     | 21/10/1987 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 325 | 41   | Nguyễn Công Quê       | 16/10/1986 | Thái Bình   | Nhi khoa     |
| 326 | 42   | Lương Thị Lệ Quyên    | 29/01/1987 | Lào Cai     | Nhi khoa     |
| 327 | 43   | Tạ Văn Quyết          | 05/06/1986 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 328 | 44   | Nguyễn Thị Sơn        | 26/04/1991 | Thanh Hóa   | Nhi khoa     |
| 329 | 45   | Nguyễn Phú Thạch      | 23/10/1990 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 330 | 46   | Đặng Thị Thắm         | 09/12/1984 | Lào Cai     | Nhi khoa     |
| 331 | 47   | Nguyễn Toàn Thắng     | 20/12/1988 | Nghệ An     | Nhi khoa     |
| 332 | 48   | Đào Việt Thắng        | 31/10/1986 | Tuyên Quang | Nhi khoa     |
| 333 | 49   | Lưu Thị Phương Thanh  | 16/02/1988 | Hải Phòng   | Nhi khoa     |
| 334 | 50   | Nguyễn Hữu Thảo       | 26/07/1988 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 335 | 51   | Trịnh Thị Thơm        | 09/11/1986 | Thanh Hóa   | Nhi khoa     |
| 336 | 52   | Tăng Thị Minh Thu     | 12/01/1984 | HÀ NỘI      | Nhi khoa     |
| 337 | 53   | Lê Thị Thu            | 10/02/1987 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 338 | 54   | Trần Thị Thu          | 23/04/1981 | Yên Bái     | Nhi khoa     |
| 339 | 55   | Nguyễn Thị Thuyết     | 12/7/1988  | Nghệ An     | Nhi khoa     |
| 340 | 56   | Trần Huy Trang        | 29/11/1987 | Hưng Yên    | Nhi khoa     |
| 341 | 57   | Nguyễn Thị Trang      | 16/11/1986 | Thái Bình   | Nhi khoa     |
| 342 | 58   | Nguyễn Anh Tuấn       | 12/06/1988 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 343 | 59   | Nguyễn Quốc Tuấn      | 05/10/1988 | Thanh Hóa   | Nhi khoa     |
| 344 | 60   | Đỗ Trọng Tuấn         | 20/06/1989 | Hải Dương   | Nhi khoa     |
| 345 | 61   | Ngô Nguyễn Thị Tươi   | 22/08/1990 | Nam Định    | Nhi khoa     |
| 346 | 62   | Phạm Hồng Tươi        | 01/06/1988 | Sơn La      | Nhi khoa     |
| 347 | 63   | Nguyễn Thị Hồng Tuyền | 30/09/1987 | Vĩnh Phúc   | Nhi khoa     |
| 348 | 64   | Vũ Hồng Vân           | 10/05/1981 | Hà Nội      | Nhi khoa     |
| 349 | 65   | Ngô Thị Xuân          | 29/12/1975 | Thanh Hóa   | Nhi khoa     |
| 350 | 66   | Triệu Phi Yên         | 26/10/1990 | Yên Bái     | Nhi khoa     |
| 351 | 1    | Ngô Thị Lan Anh       | 01/04/1984 | Hải Phòng   | Nội khoa     |
| 352 | 2    | Trần Thị Quế Anh      | 13/01/1988 | Hòa Bình    | Nội khoa     |
| 353 | 3    | Nguyễn Thanh Ban      | 12/03/1989 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 354 | 4    | Đào Thị Bích          | 10/04/1990 | Thái Bình   | Nội khoa     |
| 355 | 5    | Đặng Thị Bích         | 05/10/1986 | Bắc Ninh    | Nội khoa     |
| 356 | 6    | Nguyễn Ngọc Bình      | 27/04/1988 | Lai Châu    | Nội khoa     |
| 357 | 7    | Nguyễn Thị Thanh Bình | 22/02/1987 | Hà Tĩnh     | Nội khoa     |
| 358 | 8    | Đào Khắc Chát         | 07/08/1989 | Hà Tĩnh     | Nội khoa     |
| 359 | 9    | Bạch Thị Tuyết Chinh  | 24/10/1982 | Lai Châu    | Nội khoa     |
| 360 | 10   | Trịnh Văn Chính       | 26/02/1969 | Thanh Hóa   | Nội khoa     |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Chuyên ngành |
|-----|------|------------------------|------------|-----------|--------------|
| 361 | 11   | Vũ Huy Chính           | 26/06/1987 | Thái Bình | Nội khoa     |
| 362 | 12   | Hoàng Việt Cường       | 01/01/1986 | Hà Tĩnh   | Nội khoa     |
| 363 | 13   | Vũ Huy Đăng            | 25/11/1990 | Hải Dương | Nội khoa     |
| 364 | 14   | Nguyễn Chí Đệ          | 29/11/1989 | Hà Giang  | Nội khoa     |
| 365 | 15   | Phạm Quang Diệu        | 02/09/1973 | Vĩnh Phúc | Nội khoa     |
| 366 | 16   | Nguyễn Thùy Dung       | 24/06/1988 | Hưng Yên  | Nội khoa     |
| 367 | 17   | Lường Thị Duyên        | 09/09/1989 | Sơn La    | Nội khoa     |
| 368 | 18   | Bùi Thị La Giang       | 25/04/1987 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 369 | 19   | Lê Thị Hà              | 18/04/1979 | Nghệ An   | Nội khoa     |
| 370 | 20   | Vũ Thị Hà              | 10/04/1989 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 371 | 21   | Trần Mạnh Hà           | 28/08/1973 | Lào Cai   | Nội khoa     |
| 372 | 22   | Trần Thị Hảo           | 14/01/1990 | Hải Dương | Nội khoa     |
| 373 | 23   | Thế Thị Thanh Hiền     | 29/10/1986 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 374 | 24   | Trần Tuấn Hiệp         | 08/07/1980 | Hà Tĩnh   | Nội khoa     |
| 375 | 25   | Mã Thị Hòa             | 28/12/1989 | Hà Giang  | Nội khoa     |
| 376 | 26   | Đinh Văn Hoàng         | 25/08/1989 | Bắc Giang | Nội khoa     |
| 377 | 27   | Trần Thanh Huệ         | 22/12/1984 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 378 | 28   | Nguyễn Mạnh Hưng       | 06/06/1982 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 379 | 29   | Cao Thị Hương          | 26/03/1989 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 380 | 30   | Đào Thị Thu Hường      | 22/12/1989 | Bắc Giang | Nội khoa     |
| 381 | 31   | Nguyễn Thị Huyền       | 27/08/1985 | Ninh Bình | Nội khoa     |
| 382 | 32   | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 19/09/1986 | Lào Cai   | Nội khoa     |
| 383 | 33   | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 28/04/1986 | Hà Nam    | Nội khoa     |
| 384 | 34   | Hoàng Ngọc Huỳnh       | 10/03/1987 | Quảng Trị | Nội khoa     |
| 385 | 35   | Lê Văn Khoa            | 23/12/1985 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 386 | 36   | Hoàng Việt Khoa        | 17/04/1985 | Hà Giang  | Nội khoa     |
| 387 | 37   | Ngô Xuân Khương        | 22/11/1990 | Bắc Ninh  | Nội khoa     |
| 388 | 38   | Ngô Trung Kiên         | 15/11/1987 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 389 | 39   | Đàm Trung Kiên         | 31/07/1985 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 390 | 40   | Trần Thị Phương Liên   | 17/10/1988 | Ninh Bình | Nội khoa     |
| 391 | 41   | Nguyễn Thị Thuỳ Liên   | 29/12/1988 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 392 | 42   | Đoàn Thị Hồng Liên     | 27/05/1989 | Thái Bình | Nội khoa     |
| 393 | 43   | Võ Tuyết Linh          | 06/01/1985 | Nghệ An   | Nội khoa     |
| 394 | 44   | Phan Thị Luyến         | 17/07/1974 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 395 | 45   | Nguyễn Thị Mai         | 23/10/1987 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 396 | 46   | Nguyễn Thị Mai         | 20/07/1986 | Hà Tĩnh   | Nội khoa     |
| 397 | 47   | Nguyễn Thị Thanh Mai   | 04/05/1987 | Hà Nội    | Nội khoa     |
| 398 | 48   | Đào Anh Minh           | 11/02/1976 | Hà Nam    | Nội khoa     |
| 399 | 49   | Bùi Thu Nga            | 12/11/1983 | Hải Dương | Nội khoa     |
| 400 | 50   | Phạm Thị Ngân          | 18/05/1988 | Nam Định  | Nội khoa     |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|------------------------|------------|-------------|--------------|
| 401 | 51   | Nguyễn Thị Ngọc        | 03/12/1986 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 402 | 52   | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | 10/12/1988 | Hà Giang    | Nội khoa     |
| 403 | 53   | Phạm Thị Nhân          | 10/09/1989 | Ninh Bình   | Nội khoa     |
| 404 | 54   | Vũ Văn Nhân            | 06/05/1979 | Hưng Yên    | Nội khoa     |
| 405 | 55   | Võ Hồng Nhung          | 15/08/1987 | Nghệ An     | Nội khoa     |
| 406 | 56   | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | 01/04/1987 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 407 | 57   | Nguyễn Thế Phong       | 24/06/1990 | Thanh Hóa   | Nội khoa     |
| 408 | 58   | Nguyễn Ngọc Phương     | 14/10/1989 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 409 | 59   | Đinh Thị Phương        | 08/11/1989 | Hải Phòng   | Nội khoa     |
| 410 | 60   | Nguyễn Thị Bích Phương | 11/08/1988 | Bắc Giang   | Nội khoa     |
| 411 | 61   | Dương Đình Phương      | 13/07/1985 | Bắc Ninh    | Nội khoa     |
| 412 | 62   | Vũ Thị Phương          | 18/03/1986 | Ninh Bình   | Nội khoa     |
| 413 | 63   | Lương Thị Minh Phương  | 11/03/1978 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 414 | 64   | Cảnh Thị Phụng         | 24/06/1988 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 415 | 65   | Nguyễn Xuân Quyền      | 10/12/1976 | Hà Giang    | Nội khoa     |
| 416 | 66   | Nguyễn Như Quỳnh       | 08/10/1986 | Điện Biên   | Nội khoa     |
| 417 | 67   | Hà Long Sơn            | 22/07/1983 | Lạng Sơn    | Nội khoa     |
| 418 | 68   | Nguyễn Thị Thanh Tâm   | 02/09/1988 | Phú Thọ     | Nội khoa     |
| 419 | 69   | Trần Thị Tâm           | 08/04/1985 | Ninh Bình   | Nội khoa     |
| 420 | 70   | Lý Thị Thạch           | 17/09/1986 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 421 | 71   | Nguyễn Thị Hồng Thái   | 24/12/1988 | Thái Nguyên | Nội khoa     |
| 422 | 72   | Lê Thị Thắm            | 25/07/1986 | Hưng Yên    | Nội khoa     |
| 423 | 73   | Hà Xuân Thắng          | 25/08/1983 | Vĩnh Phúc   | Nội khoa     |
| 424 | 74   | Vũ Phương Thảo         | 02/08/1987 | Vĩnh Phúc   | Nội khoa     |
| 425 | 75   | Phạm Phương Thảo       | 17/11/1988 | Quảng Ninh  | Nội khoa     |
| 426 | 76   | Trịnh Văn Thịnh        | 14/04/1991 | Nam Định    | Nội khoa     |
| 427 | 77   | Bùi Thị Thơm           | 23/03/1984 | Bắc Ninh    | Nội khoa     |
| 428 | 78   | Nguyễn Thị Hoàng Thu   | 28/02/1987 | Kon Tum     | Nội khoa     |
| 429 | 79   | Nguyễn Đức Thượng      | 01/05/1980 | Phú Thọ     | Nội khoa     |
| 430 | 80   | Tô Thị Thúy            | 08/10/1985 | Bắc Giang   | Nội khoa     |
| 431 | 81   | Nguyễn Thị Cẩm Thúy    | 17/09/1986 | Hải Dương   | Nội khoa     |
| 432 | 82   | Lê Thị Thùy            | 24/03/1987 | Thanh Hóa   | Nội khoa     |
| 433 | 83   | Trần Văn Thùy          | 02/04/1981 | Phú Thọ     | Nội khoa     |
| 434 | 84   | Nguyễn Thị Tình        | 10/02/1987 | Hà Nội      | Nội khoa     |
| 435 | 85   | Đinh Nha Trang         | 12/10/1985 | Cao Bằng    | Nội khoa     |
| 436 | 86   | Lê Thị Như Trang       | 22/08/1986 | Thái Nguyên | Nội khoa     |
| 437 | 87   | Đặng Trần Trung        | 29/03/1984 | Bắc Giang   | Nội khoa     |
| 438 | 88   | Trần Quốc Tuấn         | 22/09/1989 | Quảng Ninh  | Nội khoa     |
| 439 | 89   | Lê Thị Tuyết           | 12/01/1988 | Thanh Hóa   | Nội khoa     |
| 440 | 90   | Lê Thị Vân             | 29/04/1986 | Hà Tĩnh     | Nội khoa     |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOA 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Chuyên ngành       |
|-----|------|-----------------------|------------|------------|--------------------|
| 441 | 91   | Nguyễn Phú Xuân       | 06/11/1978 | Bắc Giang  | Nội khoa           |
| 442 | 92   | Nguyễn Thị Bảo Yến    | 15/04/1988 | Nghệ An    | Nội khoa           |
| 443 | 1    | Lộc Thị Mỹ Dung       | 28/05/1989 | Hà Giang   | Phục hồi chức năng |
| 444 | 2    | Bùi Đức Hoàn          | 08/04/1977 | Ninh Bình  | Phục hồi chức năng |
| 445 | 3    | Đinh Thị Hồng Huế     | 08/10/1975 | Ninh Bình  | Phục hồi chức năng |
| 446 | 4    | Nguyễn Thị Huệ        | 20/12/1991 | Hải Dương  | Phục hồi chức năng |
| 447 | 5    | Vũ Thị Hoài Linh      | 15/10/1987 | Nam Định   | Phục hồi chức năng |
| 448 | 6    | Diệp Văn Long         | 28/02/1978 | Vĩnh Phúc  | Phục hồi chức năng |
| 449 | 7    | Nguyễn Thị Thái       | 19/11/1988 | Bắc Kạn    | Phục hồi chức năng |
| 450 | 8    | Lê Thị Mỹ Tiên        | 07/02/1987 | Cần Thơ    | Phục hồi chức năng |
| 451 | 9    | Phạm Thị Huyền Trang  | 02/06/1990 | Phú Thọ    | Phục hồi chức năng |
| 452 | 10   | Phùng Thị Xuân        | 28/03/1987 | Lai Châu   | Phục hồi chức năng |
| 453 | 1    | Nguyễn Hải Anh        | 11/09/1986 | Điện Biên  | Răng Hàm Mất       |
| 454 | 2    | Hà Lan Anh            | 14/08/1985 | Vĩnh Phúc  | Răng Hàm Mất       |
| 455 | 3    | Trần Duy Bằng         | 05/07/1981 | Quảng Ninh | Răng Hàm Mất       |
| 456 | 4    | Nguyễn Thị Bích       | 04/05/1986 | Bắc Ninh   | Răng Hàm Mất       |
| 457 | 5    | Khúc Đình Đức         | 18/08/1988 | Bắc Giang  | Răng Hàm Mất       |
| 458 | 6    | Lê Thùy Dung          | 25/04/1983 | Nam Định   | Răng Hàm Mất       |
| 459 | 7    | Đàm Tuấn Dũng         | 29/12/1987 | Cao Bằng   | Răng Hàm Mất       |
| 460 | 8    | Nguyễn Việt Dũng      | 21/12/1988 | Vĩnh Phúc  | Răng Hàm Mất       |
| 461 | 9    | Nguyễn Hữu Duy        | 27/08/1992 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 462 | 10   | Hoàng Thị Hà          | 02/10/1985 | Nghệ An    | Răng Hàm Mất       |
| 463 | 11   | Nguyễn Thị Hồng Hạnh  | 16/01/1987 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 464 | 12   | Đào Ngọc Hồ           | 28/04/1987 | Nghệ An    | Răng Hàm Mất       |
| 465 | 13   | Nguyễn Văn Hoàng      | 15/06/1989 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 466 | 14   | Vương Đức Hưng        | 18/10/1983 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 467 | 15   | Bàng Thị Thu Hường    | 01/01/1987 | Hà Nam     | Răng Hàm Mất       |
| 468 | 16   | Lường Thị Ngọc Huyền  | 21/01/1988 | Sơn La     | Răng Hàm Mất       |
| 469 | 17   | Nguyễn Huyền Khuê     | 19/12/1988 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 470 | 18   | Ngô Minh Khuê         | 21/08/1983 | Hải Dương  | Răng Hàm Mất       |
| 471 | 19   | Võ Thị Phương Linh    | 24/09/1989 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 472 | 20   | Nguyễn Thị Mai Phương | 01/04/1987 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 473 | 21   | Nguyễn Văn Tài        | 22/06/1988 | Nam Định   | Răng Hàm Mất       |
| 474 | 22   | Đoàn Văn Tài          | 11/07/1987 | Nam Định   | Răng Hàm Mất       |
| 475 | 23   | Trần Văn Thảo         | 28/04/1989 | Thanh Hóa  | Răng Hàm Mất       |
| 476 | 24   | Nguyễn Thị Hoài Thu   | 07/11/1988 | Hải Dương  | Răng Hàm Mất       |
| 477 | 25   | Hoàng Thanh Trà       | 18/12/1989 | Phú Thọ    | Răng Hàm Mất       |
| 478 | 26   | Cao Minh Trang        | 14/09/1982 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 479 | 27   | Lương Thị Tú Trinh    | 27/08/1990 | Hà Nội     | Răng Hàm Mất       |
| 480 | 28   | Trần Quốc Tuấn        | 17/11/1981 | Phú Thọ    | Răng Hàm Mất       |

*A*

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên           | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|---------------------|------------|-------------|--------------|
| 481 | 29   | Phạm Thị Vân        | 01/03/1988 | Hà Nội      | Răng Hàm Mặt |
| 482 | 30   | Lâm Văn Vượng       | 26/04/1990 | Nghệ An     | Răng Hàm Mặt |
| 483 | 31   | Vũ Văn Yên          | 28/07/1986 | Thanh Hóa   | Răng Hàm Mặt |
| 484 | 32   | Hàn Thị Hải Yến     | 26/07/1985 | Thanh Hóa   | Răng Hàm Mặt |
| 485 | 1    | Nguyễn Thế Anh      | 11/04/1986 | Hà Nội      | Sản Phụ Khoa |
| 486 | 2    | Trần Thị Lan Anh    | 13/01/1987 | Ninh Bình   | Sản phụ khoa |
| 487 | 3    | Vũ Văn Bình         | 25/12/1985 | Phú Thọ     | Sản phụ khoa |
| 488 | 4    | Lê Văn Bình         | 06/02/1986 | Thanh Hóa   | Sản phụ khoa |
| 489 | 5    | Ngô Văn Cảnh        | 12/10/1990 | Nghệ An     | Sản phụ khoa |
| 490 | 6    | Cao Chính           | 03/04/1990 | Bình Dương  | Sản Phụ khoa |
| 491 | 7    | Tăng Đức Cường      | 03/12/1981 | Hải dương   | Sản phụ khoa |
| 492 | 8    | Nguyễn Tuyền Đạt    | 15/07/1985 | Hà Nội      | Sản Phụ khoa |
| 493 | 9    | Nguyễn Bích Diệp    | 24/09/1989 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 494 | 10   | Nguyễn Thị Định     | 10/11/1972 | Bắc Ninh    | Sản phụ khoa |
| 495 | 11   | Trần Đại Đồng       | 21/10/1984 | Lai Châu    | Sản phụ khoa |
| 496 | 12   | Nguyễn Minh Đức     | 01/10/1990 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 497 | 13   | Nguyễn Thị Kim Dung | 20/10/1991 | Bắc Ninh    | Sản phụ khoa |
| 498 | 14   | Hồ Khánh Dung       | 02/07/1988 | Hà Tĩnh     | Sản phụ khoa |
| 499 | 15   | Khổng Thị Thu Dung  | 14/06/1988 | Yên Bái     | Sản phụ khoa |
| 500 | 16   | Nghiêm Văn Dũng     | 08/10/1986 | Hà Nam      | Sản phụ khoa |
| 501 | 17   | Phạm Tiến Dũng      | 10/07/1986 | Hải Dương   | Sản phụ khoa |
| 502 | 18   | Nhữ Văn Giang       | 10/07/1989 | Hải Dương   | Sản phụ khoa |
| 503 | 19   | Chu Hoàng Giang     | 09/09/1983 | Bắc Giang   | Sản phụ khoa |
| 504 | 20   | Trần Thanh Hằng     | 01/09/1986 | Cao Bằng    | Sản phụ khoa |
| 505 | 21   | Triệu Thị Hạnh      | 30/07/1984 | Quảng Ninh  | Sản phụ khoa |
| 506 | 22   | Nguyễn Văn Hào      | 10/10/1974 | Nam Định    | Sản phụ khoa |
| 507 | 23   | Hà Thị Hiền         | 26/09/1977 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 508 | 24   | Vũ Quang Hiệu       | 06/12/1988 | Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa |
| 509 | 25   | Trần Thị Mai Hoa    | 16/12/1990 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 510 | 26   | Nguyễn Đức Huân     | 21/07/1990 | Lào Cai     | Sản phụ khoa |
| 511 | 27   | Trần Mạnh Hùng      | 04/06/1989 | Nghệ An     | Sản phụ khoa |
| 512 | 28   | Nguyễn Văn Hưng     | 10/10/1990 | Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa |
| 513 | 29   | Ngô Thị Thu Hương   | 29/11/1990 | Bắc Ninh    | Sản phụ khoa |
| 514 | 30   | Trần Thị Thu Hường  | 13/12/1979 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 515 | 31   | Hoàng Thị Hường     | 23/02/1980 | Hà Giang    | Sản phụ khoa |
| 516 | 32   | Nguyễn Bùi Huy      | 29/07/1987 | Thái Nguyên | Sản phụ khoa |
| 517 | 33   | Trần Quang Khải     | 02/09/1987 | Thanh Hóa   | Sản phụ khoa |
| 518 | 34   | Đinh Văn Khánh      | 26/10/1989 | Hà Nam      | Sản phụ khoa |
| 519 | 35   | Nguyễn Sỹ Kiên      | 02/06/1986 | Bắc Giang   | Sản phụ khoa |
| 520 | 36   | Nguyễn Văn Liên     | 17/04/1987 | Bắc Ninh    | Sản phụ khoa |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|------------------------|------------|-------------|--------------|
| 521 | 37   | Nguyễn Văn Long        | 08/05/1988 | Bắc Giang   | Sản phụ khoa |
| 522 | 38   | Nguyễn Văn Nam         | 13/11/1987 | Nghệ An     | Sản phụ khoa |
| 523 | 39   | Chữ Đức Nam            | 10/09/1986 | Phú Thọ     | Sản phụ khoa |
| 524 | 40   | Lê Văn Nam             | 15/12/1979 | Thanh Hóa   | Sản phụ khoa |
| 525 | 41   | Bùi Văn Năm            | 01/05/1986 | Thanh Hóa   | Sản phụ khoa |
| 526 | 42   | Đỗ Thị Mỹ Ngân         | 31/05/1990 | Quảng Ninh  | Sản phụ khoa |
| 527 | 43   | Lưu Thị Ngân           | 25/10/1986 | Thanh Hóa   | Sản phụ khoa |
| 528 | 44   | Nguyễn Thị Ngân        | 04/11/1972 | Nghệ An     | Sản phụ khoa |
| 529 | 45   | Đặng Trần Nghĩa        | 02/09/1985 | Bắc Giang   | Sản phụ khoa |
| 530 | 46   | Phạm Thị Ánh Ngọc      | 23/04/1987 | Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa |
| 531 | 47   | Đoàn Thị Nụ            | 14/03/1979 | Tuyên Quang | Sản phụ khoa |
| 532 | 48   | Nguyễn Triệu Phong     | 21/06/1987 | Hưng Yên    | Sản phụ khoa |
| 533 | 49   | Nguyễn Thị Kiều Phương | 16/03/1990 | Bắc Ninh    | Sản phụ khoa |
| 534 | 50   | Phạm Thị Mai Phương    | 19/03/1988 | Nam Định    | Sản phụ khoa |
| 535 | 51   | Khổng Hữu Quang        | 01/12/1989 | Hải Phòng   | Sản phụ khoa |
| 536 | 52   | Vũ Ngọc Quang          | 16/05/1981 | Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa |
| 537 | 53   | Nguyễn Văn Qui         | 25/09/1989 | Nam Định    | Sản phụ khoa |
| 538 | 54   | Dương Quỳnh            | 26/8/1987  | Bắc Kạn     | Sản phụ khoa |
| 539 | 55   | Nguyễn Thị Thái        | 05/05/1989 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 540 | 56   | Hồ Văn Thắng           | 20/11/1991 | Hà Nam      | Sản phụ khoa |
| 541 | 57   | Nguyễn Văn Thắng       | 23/08/1987 | Bắc Ninh    | Sản phụ khoa |
| 542 | 58   | Trần Thị Trung Thành   | 23/07/1984 | Hà Tĩnh     | Sản phụ khoa |
| 543 | 59   | Đinh Phương Thảo       | 12/11/1988 | Cao Bằng    | Sản phụ khoa |
| 544 | 60   | Đàm Phương Thảo        | 30/04/1988 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 545 | 61   | Nguyễn Phương Thảo     | 14/05/1989 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 546 | 62   | Nguyễn Thị Thương      | 06/12/1985 | Quảng Ninh  | Sản phụ khoa |
| 547 | 63   | Lâm Thị Thanh Thúy     | 20/02/1987 | Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa |
| 548 | 64   | Bùi Thị Thu Thủy       | 30/03/1982 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 549 | 65   | Phan Mạnh Tiến         | 11/05/1983 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 550 | 66   | Nguyễn Thị Tình        | 12/02/1986 | Hà Giang    | Sản phụ khoa |
| 551 | 67   | Phạm Thị Hương Trà     | 11/02/1989 | Lạng Sơn    | Sản phụ khoa |
| 552 | 68   | Trần Thị Minh Trang    | 29/10/1984 | Hà Nội      | Sản phụ khoa |
| 553 | 69   | Trần Văn Trung         | 24/07/1988 | Quảng Ninh  | Sản phụ khoa |
| 554 | 70   | Đoàn Thị Tứ            | 31/03/1980 | Thái Bình   | Sản phụ khoa |
| 555 | 71   | Hoàng Mạnh Tuấn        | 09/05/1987 | Lào Cai     | Sản phụ khoa |
| 556 | 72   | Nguyễn Đức Tý          | 21/09/1985 | Thanh Hóa   | Sản phụ khoa |
| 557 | 73   | Trần Thị Thanh Vân     | 23/07/1989 | Vĩnh Phúc   | Sản phụ khoa |
| 558 | 74   | Lê Thị Vũ              | 06/11/1988 | Thanh Hóa   | Sản phụ khoa |
| 559 | 75   | Vũ Văn Vương           | 21/02/1989 | Thái Bình   | Sản phụ khoa |
| 560 | 1    | Nguyễn Hải Anh         | 24/02/1989 | Hà Nội      | Tai Mũi Họng |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOA 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành |
|-----|------|------------------------|------------|-------------|--------------|
| 561 | 2    | Trần Tuấn Anh          | 19/09/1987 | Thái Bình   | Tai Mũi Họng |
| 562 | 3    | Nguyễn Thị Kim Châm    | 20/12/1975 | Hà Nội      | Tai Mũi Họng |
| 563 | 4    | Hoàng Thế Chiến        | 27/10/1978 | Thanh Hóa   | Tai Mũi Họng |
| 564 | 5    | Bùi Phạm Công Chung    | 20/05/1983 | Nghệ An     | Tai Mũi Họng |
| 565 | 6    | Bùi Vĩnh Cửu           | 05/08/1974 | Nam Định    | Tai Mũi Họng |
| 566 | 7    | Nguyễn Sinh Đức        | 02/04/1989 | Hà Tĩnh     | Tai Mũi Họng |
| 567 | 8    | Hoàng Anh Dũng         | 24/07/1979 | Thái Nguyên | Tai Mũi Họng |
| 568 | 9    | Nguyễn Mạnh Duy        | 24/04/1986 | Hà Nội      | Tai Mũi Họng |
| 569 | 10   | Đàm Thị Thu Hằng       | 08/04/1989 | Hưng Yên    | Tai Mũi Họng |
| 570 | 11   | Nguyễn Đình Hiệp       | 09/12/1990 | Hải Dương   | Tai Mũi Họng |
| 571 | 12   | Hoàng Thị Phương Hoa   | 04/08/1976 | Hà Nội      | Tai Mũi Họng |
| 572 | 13   | Nguyễn Thị Hòe         | 20/08/1984 | Hải Dương   | Tai Mũi Họng |
| 573 | 14   | Nguyễn Việt Hùng       | 22/06/1987 | Hà Nội      | Tai Mũi Họng |
| 574 | 15   | Đỗ Thị Thu Hường       | 13/07/1990 | Vĩnh Phúc   | Tai Mũi Họng |
| 575 | 16   | Vũ Thị Hường           | 07/10/1990 | Phú Thọ     | Tai Mũi Họng |
| 576 | 17   | Lâm Ngọc Huyền         | 24/12/1988 | Tuyên Quang | Tai Mũi Họng |
| 577 | 18   | Nguyễn Thành Long      | 02/11/1987 | Nam Định    | Tai Mũi Họng |
| 578 | 19   | Nguyễn Thị Luyến       | 18/04/1989 | Quảng Bình  | Tai Mũi Họng |
| 579 | 20   | Vi Quý Ly              | 14/11/1988 | Bắc Giang   | Tai Mũi Họng |
| 580 | 21   | Lê Chí Nhâm            | 18/12/1982 | Hà Nội      | Tai Mũi Họng |
| 581 | 22   | Đinh Thị Diệu Quỳnh    | 12/04/1989 | Yên Bái     | Tai Mũi Họng |
| 582 | 23   | Nguyễn Thị Sen         | 11/02/1983 | Hải Phòng   | Tai Mũi Họng |
| 583 | 24   | Nguyễn Tiến Sỹ         | 20/05/1984 | Phú Thọ     | Tai Mũi Họng |
| 584 | 25   | Nguyễn Toàn Thắng      | 03/07/1980 | Vĩnh Phúc   | Tai Mũi Họng |
| 585 | 26   | Phạm Hùng Thanh        | 12/12/1984 | Quảng Ninh  | Tai Mũi Họng |
| 586 | 27   | Lê Văn Thành           | 17/5/1984  | Thanh hóa   | Tai Mũi Họng |
| 587 | 28   | Đoàn Xuân Thành        | 18/08/1988 | Bắc Ninh    | Tai Mũi Họng |
| 588 | 29   | Lê Thị Thúy            | 17/02/1983 | Hải Phòng   | Tai Mũi Họng |
| 589 | 30   | Bùi Phương Thủy        | 12/06/1983 | Quảng Ninh  | Tai Mũi Họng |
| 590 | 31   | Nguyễn Thị Huyền Trang | 22/12/1989 | Ninh Bình   | Tai Mũi Họng |
| 591 | 32   | Hoàng Huyền Trang      | 16/05/1986 | Cao Bằng    | Tai Mũi Họng |
| 592 | 33   | Nguyễn Văn Tùng        | 15/08/1986 | Hải Dương   | Tai Mũi Họng |
| 593 | 34   | Nguyễn Mạnh Tùng       | 06/08/1984 | Thái Nguyên | Tai Mũi Họng |
| 594 | 1    | Lý Thị An              | 27/11/1990 | Thái Bình   | Tâm thần     |
| 595 | 2    | Võ Hùng Chí            | 09/01/1991 | Quảng Ngãi  | Tâm thần     |
| 596 | 3    | Nguyễn Cấn Chung       | 05/07/1982 | Hà Nội      | Tâm thần     |
| 597 | 4    | Lý Thị Diễm            | 28/03/1987 | Bắc Cạn     | Tâm thần     |
| 598 | 5    | Lê Thị Hào             | 07/08/1991 | Hải Dương   | Tâm thần     |
| 599 | 6    | Đặng Thị Thu Thủy      | 21/11/1988 | Nam Định    | Thần kinh    |
| 600 | 1    | Nguyễn Thị Dung        | 04/08/1990 | Hải Dương   | Thần kinh    |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 38/67/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành      |
|-----|------|-----------------------|------------|-------------|-------------------|
| 601 | 2    | Nguyễn Thị Hà         | 11/05/1988 | Ninh Bình   | Thần kinh         |
| 602 | 3    | Nguyễn Thị Huệ        | 20/06/1984 | Bắc Giang   | Thần kinh         |
| 603 | 4    | Trần Thị Khánh Lệ     | 08/02/1990 | Hải Phòng   | Thần kinh         |
| 604 | 5    | Đàm Thị Nhung         | 02/01/1988 | Hà Nội      | Thần kinh         |
| 605 | 6    | Vũ Mạnh Tiến          | 07/08/1989 | Thái Nguyên | Thần kinh         |
| 606 | 7    | Nguyễn Xuân Vinh      | 17/09/1977 | Hà Nội      | Thần kinh         |
| 607 | 1    | Nguyễn Thị Phương Anh | 06/11/1988 | Quảng Ninh  | TN và các bệnh ND |
| 608 | 2    | Lê Kinh Duân          | 15/02/1976 | Thanh Hóa   | TN và các bệnh ND |
| 609 | 3    | Phạm Tiến Dũng        | 04/12/1986 | Hà Giang    | TN và các bệnh ND |
| 610 | 4    | Hoàng Thị Hà          | 08/11/1984 | Điện Biên   | TN và các bệnh ND |
| 611 | 5    | Phạm Thị Nguyệt Hà    | 07/01/1990 | Hà Nội      | TN và các bệnh ND |
| 612 | 6    | Đinh Việt Hải         | 01/01/1981 | Hà Nội      | TN và các bệnh ND |
| 613 | 7    | Đặng Phúc Hiếu        | 19/07/1973 | Bắc Thái    | TN và các bệnh ND |
| 614 | 8    | Trần Thị Thanh Hoa    | 05/12/1985 | Hung Yên    | TN và các bệnh ND |
| 615 | 9    | Nguyễn Thị Hòa        | 02/12/1988 | Hòa Bình    | TN và các bệnh ND |
| 616 | 10   | Hoàng Thị Hồng        | 20/10/1984 | Sơn La      | TN và các bệnh ND |
| 617 | 11   | Hoàng Thị Hương       | 19/01/1989 | Hà Giang    | TN và các bệnh ND |
| 618 | 12   | Dương Thu Hương       | 30/08/1986 | Bắc Giang   | TN và các bệnh ND |
| 619 | 13   | Bùi Quang Huy         | 30/03/1987 | Hung Yên    | TN và các bệnh ND |
| 620 | 14   | Tạ Thị Thu Huyền      | 07/08/1984 | Hải phòng   | TN và các bệnh ND |
| 621 | 15   | Nguyễn Thành Lê       | 12/04/1986 | Hải Phòng   | TN và các bệnh ND |
| 622 | 16   | Hà Xuân Mai           | 25/12/1987 | Vĩnh Phúc   | TN và các bệnh ND |
| 623 | 17   | Nguyễn Văn Sơn        | 30/09/1989 | Thanh Hóa   | TN và các bệnh ND |
| 624 | 18   | Nguyễn Thanh Tân      | 20/02/1980 | Bắc Giang   | TN và các bệnh ND |
| 625 | 19   | Nguyễn Minh Thắng     | 25/09/1986 | Thái Bình   | TN và các bệnh ND |
| 626 | 20   | Nghiêm Xuân Thành     | 12/07/1988 | Bắc Ninh    | TN và các bệnh ND |
| 627 | 21   | Nguyễn Khắc Thành     | 20/09/1983 | Điện Biên   | TN và các bệnh ND |
| 628 | 22   | Nguyễn Văn Thọ        | 03/06/1987 | Hải Dương   | TN và các bệnh ND |
| 629 | 23   | Trần Thị Kim Thoa     | 11/01/1988 | Hà Nội      | TN và các bệnh ND |
| 630 | 24   | Phạm Thị Kim Thoa     | 20/08/1983 | Vĩnh Phúc   | TN và các bệnh ND |
| 631 | 25   | Phạm Huy Trường       | 26/05/1987 | Quảng Ninh  | TN và các bệnh ND |
| 632 | 26   | Nông Thị Hải Yến      | 12/12/1989 | Bắc Kạn     | TN và các bệnh ND |
| 633 | 1    | Nguyễn Thị Vân Anh    | 02/01/1986 | Quảng Ninh  | Ung thư           |
| 634 | 2    | Mạc Kiên Cường        | 03/12/1986 | Hải Phòng   | Ung thư           |
| 635 | 3    | Nguyễn Văn Đồng       | 12/06/1991 | Phú Thọ     | Ung thư           |
| 636 | 4    | Nguyễn Minh Dũng      | 20/07/1983 | Bắc Ninh    | Ung thư           |
| 637 | 5    | Vương Hải Hà          | 28/03/1991 | Bắc Giang   | Ung thư           |
| 638 | 6    | Trần Quốc Hùng        | 01/01/1988 | Thái Nguyên | Ung thư           |
| 639 | 7    | Nguyễn Đức Long       | 08/09/1988 | Hải Dương   | Ung thư           |
| 640 | 8    | Đỗ Thị Mát            | 13/01/1986 | Thái Bình   | Ung thư           |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOA 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành    |
|-----|------|----------------------|------------|-------------|-----------------|
| 641 | 9    | Phạm Thị Nga         | 08/06/1991 | Bắc Ninh    | Ung thư         |
| 642 | 10   | Lê Hồng Ngọc         | 15/12/1991 | Hải Phòng   | Ung thư         |
| 643 | 11   | Trần Thị Nhung       | 03/06/1988 | Thái Bình   | Ung thư         |
| 644 | 12   | Võ Văn Phúc          | 22/10/1990 | Hà Tĩnh     | Ung thư         |
| 645 | 13   | Nguyễn Hải Sơn       | 25/11/1988 | Vĩnh Phúc   | Ung thư         |
| 646 | 14   | Đặng Thái Sơn        | 31/07/1988 | Thái Bình   | Ung thư         |
| 647 | 15   | Đinh Nhật Tân        | 08/09/1986 | Thanh Hóa   | Ung thư         |
| 648 | 16   | Nguyễn Tân Tạo       | 18/10/1991 | Phú Thọ     | Ung thư         |
| 649 | 17   | Vũ Thị Kim Thu       | 08/05/1990 | Phú Thọ     | Ung thư         |
| 650 | 18   | Nguyễn Đức Trung     | 14/08/1991 | Hà Nội      | Ung thư         |
| 651 | 19   | Vũ Đức Trường        | 7/11/1988  | Hải Dương   | Ung thư         |
| 652 | 20   | Cù Mạnh Tuấn         | 03/02/1991 | Phú Thọ     | Ung thư         |
| 653 | 21   | Đoàn Minh Tuấn       | 09/07/1990 | Thanh Hóa   | Ung thư         |
| 654 | 22   | Trần Sơn Tùng        | 30/07/1990 | Phú Thọ     | Ung thư         |
| 655 | 1    | Lê Thị Chuyên        | 27/03/1982 | Bắc Ninh    | Vi sinh         |
| 656 | 2    | Trần Thanh Huyền     | 27/10/1990 | Thái Bình   | Vi sinh         |
| 657 | 3    | Nguyễn Thị Hoài Linh | 16/10/1988 | Hà Giang    | Vi sinh         |
| 658 | 4    | Đỗ Thị Phụng         | 19/12/1990 | Thanh Hóa   | Vi sinh         |
| 659 | 5    | Khiếu Thanh Tâm      | 02/08/1988 | Thái Bình   | Vi sinh         |
| 660 | 6    | Nguyễn Thị Thùy      | 27/04/1987 | Hải Dương   | Vi sinh         |
| 661 | 1    | Lê Hải Bình          | 22/04/1981 | Điện Biên   | Y học cổ truyền |
| 662 | 2    | Nguyễn Thị Minh Cảnh | 24/11/1979 | Lai Châu    | Y học cổ truyền |
| 663 | 3    | Tạ Văn Đức           | 13/07/1988 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 664 | 4    | Phùng Xuân Dũng      | 13/10/1984 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 665 | 5    | Nguyễn Xuân Dương    | 11/08/1990 | Thái Nguyên | Y học cổ truyền |
| 666 | 6    | Nguyễn Công Hạnh     | 10/01/1978 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 667 | 7    | Trần Thị Hiền        | 20/08/1988 | Nghệ An     | Y học cổ truyền |
| 668 | 8    | Nguyễn Thị Như Hoa   | 25/05/1988 | Yên Bái     | Y học cổ truyền |
| 669 | 9    | Trần Thị Hòa         | 15/03/1989 | Bắc Ninh    | Y học cổ truyền |
| 670 | 10   | Nguyễn Văn Hòa       | 28/02/1983 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 671 | 11   | Nguyễn Thị Hồng      | 29/11/1975 | Bắc Ninh    | Y học cổ truyền |
| 672 | 12   | Trịnh Thế Hùng       | 07/01/1983 | Hưng Yên    | Y học cổ truyền |
| 673 | 13   | Vũ Thị Hương         | 15/03/1987 | Thái Bình   | Y học cổ truyền |
| 674 | 14   | Nguyễn Quang Kỳ      | 09/09/1989 | Nghệ An     | Y học cổ truyền |
| 675 | 15   | Nguyễn Thị Ly        | 14/04/1990 | Vĩnh Phúc   | Y học cổ truyền |
| 676 | 16   | Nguyễn Trọng Mão     | 21/09/1987 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 677 | 17   | Hà Thị Nga           | 01/01/1985 | Vĩnh Phúc   | Y học cổ truyền |
| 678 | 18   | Nguyễn Thị Minh Ngọc | 22/07/1988 | Quảng Ngãi  | Y học cổ truyền |
| 679 | 19   | Vũ Thị Nhung         | 06/10/1986 | Bắc Ninh    | Y học cổ truyền |
| 680 | 20   | Nguyễn Lý Phúc       | 10/06/1991 | Thái Nguyên | Y học cổ truyền |

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I  
HỆ TẬP TRUNG KHOÁ 22 (2017 - 2019)**

(Kèm theo QĐ số 3867/QĐ-ĐHYHN, ngày 20 / 9 /2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHYHN)

| TT  | TTCN | Họ và tên          | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Chuyên ngành    |
|-----|------|--------------------|------------|-------------|-----------------|
| 681 | 21   | Nguyễn Văn Quân    | 12/11/1982 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 682 | 22   | Tạ Văn Tám         | 15/09/1982 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 683 | 23   | Hoàng Thị Thu Thùy | 30/12/1989 | Thái Nguyên | Y học cổ truyền |
| 684 | 24   | Đàm Thị Trang      | 30/11/1986 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 685 | 25   | Nguyễn Đình Trường | 24/12/1979 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 686 | 26   | Chu Văn Tuấn       | 05/05/1986 | Hà Nội      | Y học cổ truyền |
| 687 | 1    | Hoàng Thế Duy      | 18/10/1989 | Hà Nội      | Y học gia đình  |
| 688 | 1    | Trần Thu Hạnh      | 28/06/1988 | Hà Nội      | Y học hạt nhân  |
| 689 | 1    | Nguyễn Văn Hiến    | 23/03/1969 | Nghệ An     | Y pháp          |
| 690 | 2    | Phan Huy Hùng      | 27/10/1980 | Tuyên Quang | Y Pháp          |
| 691 | 3    | Nguyễn Thanh Tuấn  | 19/07/1981 | Vĩnh Phúc   | Y Pháp          |

Ấn định danh sách trúng tuyển chuyên khoa cấp I hệ tập trung, năm 2017 của Trường Đại học Y Hà Nội có 691 (sáu trăm chín một) thí sinh, thuộc 27 chuyên ngành, gồm 18 trang./.